

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 685/GPMT-STNMT-CCBVM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-STNMT-VP ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phân công công tác trong Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo ý kiến của Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường đối với dự án “Nâng công suất chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thuận Phương – xưởng may M.D.K, từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 20 triệu sản phẩm/năm” tại số 9-9A Tô



Ký, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Hợp Hội đồng thẩm định và kiểm tra cơ sở ngày 09 tháng 02 năm 2023;

Xét Công văn số 05/2023/TP.MDK ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Công ty TNHH May thêu Thuận Phương về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với dự án “Nâng công suất chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thuận Phương – xưởng may M.D.K, từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 20 triệu sản phẩm/năm” tại số 9-9A Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Phiếu trình số 629 /TTr-CCBVMT-KSON ngày 23 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH May thêu Thuận Phương, địa chỉ tại 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nâng công suất chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thuận Phương – xưởng may M.D.K, từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 20 triệu sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nâng công suất chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thuận Phương – xưởng may M.D.K, từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 20 triệu sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 9-9A Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0301339188 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 09 tháng 05 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0301339188.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm dệt may, không có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô dự án: Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm II (theo quy định tại mục thứ tự số 11 phần IV Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường. Dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án hoạt động trên khu đất có tổng diện tích 9.223 m² (bao gồm Khu A có

diện tích 5.189,71 m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 23603/2001 ngày 29 tháng 10 năm 2001 và Khu B có diện tích 4.033,29 m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 22321/2002 ngày 13 tháng 12 năm 2002).

- Công suất: 20 triệu sản phẩm/năm.

Quy trình sản xuất:

Giai đoạn chuẩn bị: Mẫu yêu cầu của khách hàng → Phân tích, thiết kế rập mẫu → Rập mẫu cuối → Cắt → May → Sản phẩm mẫu;

Giai đoạn sản xuất: Vải nguyên liệu → Cắt vải theo rập mẫu → Đánh số → May → Kiểm tra bán thành phẩm → Hoàn thiện sản phẩm (đóng nút và gắn các phụ kiện) → Ủi → Gấp xếp → Đóng gói và nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH May thuê Thuận Phương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành (*Giấy phép này đương nhiên chấm dứt hiệu lực khi dự án, cơ sở chấm dứt hoạt động trong các trường hợp theo quy định pháp luật*).

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 12 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH May thêu Thuận Phương;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân Thành phố (để báo cáo);
- UBND Quận 12;
- UBND phường Trung Mỹ Tây, Quận 12;
- Lưu: VT, CCBVMT, Khoa.07.

066

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Mỹ

**PHỤ LỤC 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 685/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh gồm bồn cầu, bồn tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn (không có nấu ăn) và nước rửa sàn, lavabo.
- Nguồn số 03: Nước thải từ xả cặn thải nồi hơi điện.
- Nguồn số 04: Nước thải từ lau chùi, vệ sinh sàn nhà xưởng; rửa sàn và vệ sinh thùng rác sinh hoạt của khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, các chất hoạt động bề mặt, tổng chất rắn hòa tan, tổng Coliform.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Tô Ký tại số 9-9A Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối xả thải: Hồ ga thoát nước chung của thành phố trước địa chỉ số 9-9A Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°): X = 594.457, Y = 1.201.744.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 100 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải:

Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý (sau hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày) phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và được bơm tự động theo đường ống PVC đường kính D34 vào hồ ga nội bộ trước

khi đầu nổi và tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Tô Ký bằng đường ống PVC DN200, chiều dài 2,0m tại số 9-9A Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần (theo đề xuất của chủ dự án tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
9	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải từ nguồn số 01 được thu gom về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 02, 03, 04 được thu gom bằng đường ống riêng về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Tọa độ điểm đầu nổi nước thải: $X = 594.457$, $Y = 1.201.744$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 05 bể.
- Vị trí: 02 bể tại Nhà xưởng khu B, 02 bể tại Nhà xưởng khu A, 01 bể tại nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ Ngăn chứa $\rightarrow$ Ngăn lắng $\rightarrow$ Ngăn lọc $\rightarrow$ Hệ thống xử lý nước thải.

- Công suất thiết kế:

- + Bể tự hoại số 01 và 02 tại Nhà xưởng khu B: $25 \text{ m}^3/\text{bể}$.
- + Bể tự hoại số 03 tại Nhà xưởng khu A: $12,8 \text{ m}^3$.
- + Bể tự hoại số 04 tại Nhà xưởng khu A: 8 m^3 .
- + Bể tự hoại số 05 tại nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải: $4,8 \text{ m}^3$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Nước thải từ xả cặn thải nổi hơi điện $\rightarrow$ Hồ ga làm nguội) + (Nước thải từ lau chùi, vệ sinh sàn nhà xưởng, rửa sàn và vệ sinh thùng rác sinh hoạt của khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt) + (Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh $\rightarrow$ Bể tự hoại) + (Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn (không có nấu ăn) và nước rửa sàn, lavabo $\rightarrow$ Bể thu gom) $\rightarrow$ Bể thu gom/tách rác tinh $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể thiếu khí $\rightarrow$ Bể sinh học hiếu khí giá thể cố định $\rightarrow$ Bể lắng sinh học $\rightarrow$ Bể sinh học màng MBR $\rightarrow$ Hồ ga quan trắc nội bộ $\rightarrow$ Hồ ga thoát nước chung của thành phố trên đường Tô Ký.

- Công suất thiết kế: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, vi sinh xử lý nước thải, NaOH và H_2SO_4 (sử dụng khi có sự thay đổi pH).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố nước thải:

 

- Bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.
- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những môi nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn.
- Định kỳ nạo vét hệ thống đường cống rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng nước và loại bỏ các chất bẩn.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.
- Khi phát hiện hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.
- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại bể xử lý nước thải thì dừng sản xuất của toàn bộ nhà máy để tiến hành khắc phục.

1.4.2. Kịch bản và phương án ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

a) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

- Nhân viên vận hành phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải thông qua theo dõi các bể của hệ thống xử lý. Hệ thống van xả nước thải đóng lại và dừng việc xả thải ra môi trường bên ngoài và nước thải sẽ được bơm về bể điều hòa có dung tích lưu chứa 39,6 m³ để tiến hành khắc phục, sửa chữa.
- Nhân viên kỹ thuật tiến hành sửa chữa, khắc phục lỗi của hệ thống xử lý.
- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại bể xử lý thì dừng sản xuất của toàn bộ nhà máy để tiến hành khắc phục.
- Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, hệ thống sẽ tiếp tục xử lý phân nước

lưu chứa.

- Khi hệ thống xử lý nước thải vận hành ổn định tiến hành chạy máy móc sản xuất trở lại (trường hợp phải dừng sản xuất).

- Mở van xả nước thải.

- Tiến hành kiểm tra chất lượng nước thải.

- Trường hợp sự cố lớn, khẩn trương thông báo và liên hệ với các sở, ban ngành có liên quan về sự cố và tổ chức các biện pháp khắc phục.

b) Kịch bản và phương án ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Trường hợp chất lượng nước thải không đáp ứng tiêu chuẩn xả thải, phải dừng ngay việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung của thành phố, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh từ hệ thống, thiết bị nào để thay thế, sửa chữa kịp thời, cụ thể:

- Nếu phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải: tạm dừng sản xuất để không phát sinh nước thải, kiểm tra, tìm kiếm, thay thế sửa chữa thiết bị, bộ phận bị hỏng; sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành lại hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm hệ thống vận hành ổn định (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu) mới sản xuất trở lại.

- Nếu phát hiện sự cố về thiết bị vận hành của hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng: Thường xuyên kiểm tra nguồn điện, kiểm tra xem mực nước có cao hơn bơm hay không, kiểm tra đường ống hút và đẩy bơm, kiểm tra nổi dây, kiểm tra và vệ sinh bơm, kiểm tra định kỳ các thiết bị, máy móc. Khi hệ thống bơm nước hoặc nén khí không hoạt động, cần ngắt van, ngắt điện và chuyển công tắt qua bơm dự phòng, sau đó mới tiến hành sửa chữa bơm hư để tránh ngưng trệ hệ thống hoạt động.

- Nếu phát hiện sự cố về hệ vi sinh của hệ thống xử lý nước thải bị suy giảm hoặc bị chết: Vi sinh vật bị suy giảm thì cần bổ sung vi sinh vật bào tử và vi sinh vật tươi xuống để khôi phục lại vi sinh vật trong hệ thống. Vi sinh vật bị chết thì cấy vi sinh vật mới.

- Nếu phát hiện sự cố về hệ thống đường ống bị nghẹt hoặc vỡ: Khi hệ thống đường ống bị nghẹt hoặc vỡ, lưu lượng nước thải thu gom sẽ bị giảm nên phải dừng hệ thống bơm, nếu lượng nước thải không đủ để hoạt động và khóa van dẫn nước; sau đó xác định nguyên nhân hệ thống bị nghẹt, vỡ để thay thế và sửa chữa kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo Khoản 2 Điều 31 Nghị định

số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực và các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm

- 01 điểm tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại bể thu gom).

- 01 điểm tại đầu ra của của hệ thống xử lý nước thải (tại hố ga quan trắc trước khi đầu nối vào hố ga thoát nước chung của thành phố trên đường Tô Ký).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Lưu lượng, pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, các chất hoạt động bề mặt, tổng chất rắn hòa tan, tổng Coliform: giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Tô Ký); bố trí hố ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Chủ dự án chịu trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án theo giấy phép môi trường đã được cấp theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ. 





PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 685/GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị sản xuất.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 594.509; Y = 1.201.588.

- Nguồn số 02: Tọa độ X = 594.495; Y = 1.201.556.

- Nguồn số 03: Tọa độ X = 594.504; Y = 1.201.663.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí thời gian nhập xuất nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Lắp đệm chống rung bằng cao su dày cho toàn bộ máy móc đảm bảo mức độ cân bằng của máy móc khi hoạt động.

- Nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (nút bịt tai) cho công nhân viên làm việc tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn cao.

- Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

- Thiết bị máy móc của hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà điều hành (phòng kín) đặt bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy móc định kỳ.

- Giới hạn tốc độ di chuyển của các phương tiện giao thông, hạn chế bóp còi trong khu vực dự án để giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

PHỤ LỤC 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 685 /GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	158
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	68
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	3
4	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	21
5	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) (rác thải y tế)	13 01 01	1
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	34
7	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	5
8	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	10
9	Dược phẩm gây độc tế bào thải (Dược phẩm thải bỏ có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất)	13 01 03	1
10	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit) (Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc)	18 01 04	2
11	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	2
12	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	3
13	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	2
14	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	19 05 03	1
15	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	19 05 04	1
16	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại	19 12 01	1

	vô cơ		
17	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	3.960
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		4.273

- Đối với khối lượng, chủng loại chất thải là bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp cần phải kiểm soát phải thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Vải vụn	233.016
2	Thùng carton, giấy	59.388
3	Bao bì nylon, phế liệu các loại	49.812
4	Lõi chỉ, lõi vải	20.016
5	Tấm màng MBR của HTXLNT	75
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	362.307

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/tháng)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm (chất thải hữu cơ dễ phân hủy)	14,33	171,96
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	4,88	58,56
3	Chất thải rắn sinh hoạt khác	0,29	3,48
	Tổng khối lượng	19,5	234

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa, khay nhựa, can có nắp đậy; bên ngoài được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 13 m².

- Vị trí: Tại tầng trệt gần kho khu A.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kết cấu tường bằng gạch, mái là sàn bê tông cốt thép đảm bảo che kín nắng, mưa; Nền bê tông cốt thép được tráng xi măng đảm bảo chống thấm, có gờ chống tràn và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Có cửa khóa; Có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng, giẻ lau để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng giấy có nắp đậy, pallet nhựa, pallet gỗ.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 35 m².

- Vị trí: Tại khu vực bên ngoài nhà xưởng tiếp giáp đường Tô Ký khu B.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Tường xây bằng gạch, mái lợp tôn, nền bê tông cốt thép được tráng xi măng đảm bảo chống thấm, có gờ chống tràn và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa; có dán biển cảnh báo tại khu vực lưu chứa chất thải theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các loại thùng nhựa có nắp đậy tại khu vực tập kết rác sinh hoạt của dự án.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 23 m².

- Vị trí: Tại khu vực bên ngoài nhà xưởng gần cổng phụ ra vào đường Tô Ký khu B.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được lợp mái tôn, nền được tráng xi măng kín khít có lót gạch đảm bảo chống thấm, tường nhà xây bằng gạch và ốp tường gạch; bên trong có lắp hộp gen thông gió, vòi nước vệ sinh, rôn thu nước thải; có dán biển cảnh báo tại khu vực lưu chứa chất thải theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu

theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 05 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**PHỤ LỤC 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 685/GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

1. Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường thuộc dự án Phân xưởng may – Công ty TNHH May thuê M.D.K được phê duyệt tại Quyết định số 1062/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 21 tháng 06 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết dự án Phân xưởng may – Công ty TNHH May thuê M.D.K tại 9-9A Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12.

2. Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc Dự án Nâng công suất Chi nhánh Công ty TNHH May thuê Thuận Phương – Xưởng may M.D.K, từ 6 triệu sản phẩm/năm lên 20 triệu sản phẩm/năm, chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi cấp Giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung về công suất sản xuất, hạng mục xây dựng cải tạo của Dự án như sau:

- Sản xuất hàng may mặc với công suất 20 triệu sản phẩm/năm.
- Quy trình công nghệ sản xuất:
 - + Giai đoạn chuẩn bị: Mẫu yêu cầu của khách hàng → Phân tích, thiết kế rập mẫu → Rập mẫu cuối → Cắt → May → Sản phẩm mẫu;
 - + Giai đoạn sản xuất: Vải nguyên liệu → Cắt vải theo rập mẫu → Đánh số → May → Kiểm tra bán thành phẩm → Hoàn thiện sản phẩm (đóng nút và gắn các phụ kiện) → Ủi → Gấp xếp → Đóng gói và nhập kho.
- Nguồn nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Dự án: vải các loại.
- Sản phẩm của Dự án: quần áo trẻ em, quần áo người lớn, áo váy và đầm

các loại.

- Các hạng mục xây dựng công trình chính của Dự án: đã được xây dựng hoàn thiện trong dự án Phân xưởng may – Công ty TNHH May thuê M.D.K.

- Các hạng mục công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường của Dự án đã được xây dựng hoàn thiện trong dự án Phân xưởng may – Công ty TNHH May thuê M.D.K. Dự án này thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải hiện hữu công suất 100 m³/ngày.đêm mà không nâng công suất của hệ thống.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nguồn khí thải không phải kiểm soát là khí thải phát sinh từ nồi hơi điện được thu gom và xả trực tiếp ra môi trường. Nồi hơi điện phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là điện (nhiên liệu sạch), thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chủ dự án chịu toàn bộ trách nhiệm đối với chất thải phát sinh tại dự án.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.  

